

Số: 2081 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4856/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL 18;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án 2 tại Tờ trình số 138/TTr-BQLDA2 ngày 04/6/2021; Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành số 564-14/BC-XD/ĐT-VAE ngày 25/7/2014, Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành số 542-16/BC-XD/ĐT-VAE ngày 30/8/2016, văn bản số 808-19/CV-ĐT/VAE ngày 12/8/2019 và văn bản số 452-21/CV-ĐT/VAE ngày 12/5/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam; Biên bản thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18 của Tổ công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18

- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải;
- Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án 2;
- Địa điểm xây dựng: tỉnh Quảng Ninh;

- Thời gian khởi công: năm 2003; Thời gian hoàn thành: năm 2013.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	TMĐT được duyệt (số 622/QĐ-BGTVT ngày 13/02/2015)	Thực hiện (đến ngày 31/12/2015)
Tổng cộng	1.823.902.455.000	1.819.889.462.731
Vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản	1.377.212.632.401	1.377.212.632.401
Vốn đối ứng (NSNN)	446.689.823.599	442.676.830.330

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Giá trị quyết toán		
	Đã duyệt	Duyệt điều chỉnh, bổ sung đợt này	Tổng cộng
Chi phí Xây dựng	1.347.770.505.235	100.642.121.065	1.448.412.626.300
Chi phí QLDA	1.737.481.744	15.207.730.790	16.945.212.534
Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	1.044.113.000	191.381.922.226	192.426.035.226
Chi phí khác	49.238.335.677	1.116.490.000	50.354.825.677
Chi phí GPMB và rà phá bom mìn	91.622.491.532	18.373.025.876	109.995.517.408
Tổng cộng	1.491.412.927.188	326.721.289.957	1.818.134.217.145

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý	Giao đơn vị khác quản lý
Tổng số		1.818.134.217.145
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)		1.818.134.217.145
- Tài sản ngắn hạn		0

Điều 3. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án 2 và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án 2:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình theo đúng quy định với số tiền là 1.818.134.217.145 đồng;

- Thu hồi nợ phải thu và thanh toán nợ phải trả với các đơn vị có liên quan (tính đến ngày 31/12/2015):

+ Phải trả: 277.970.792 đồng

+ Phải thu: 2.033.216.378 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

2. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng cục Đường bộ Việt Nam	1.818.134.217.145	0
Tổng cộng	1.818.134.217.145	0

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản hình thành sau đầu tư theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công (Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) và các quy định có liên quan.


3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Ban Quản lý dự án 2, đơn vị tư vấn giám sát, thi công và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do Ban Quản lý dự án 2, Tư vấn giám sát và Nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do Ban Quản lý dự án 2, Tư vấn giám sát và Nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình;

- Ban Quản lý dự án 2 có trách nhiệm: Khẩn trương trình quyết toán chi phí giải phóng mặt bằng còn lại (nếu có); Quản lý, bảo quản hồ sơ quyết toán theo đúng quy định;

- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam, kiểm toán viên chịu trách nhiệm về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do Ban Quản lý dự án 2 cung cấp.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Đầu tư, Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất

lượng công trình giao thông, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Ban Quản lý dự án 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước;
- Ban QLDA 2 (05b);
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam;
- Lưu: VT, TC (Tuyên).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Đông



PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN

Phương án xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18

(Kèm theo Quyết định số 4856/QĐ-BGTVT ngày 06 / 12 / 2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị: Đồng

TT	Tên hạng mục	Giá trị đã duyệt quyết toán (Quyết định số 4856/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014)	Giá trị quyết toán điều chỉnh, bổ sung (đợt này)	Tổng cộng giá trị quyết toán
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.347.770.505.235	100.642.121.065	1.448.412.626.300
1	Gói thầu BC1: Xây dựng đường dẫn, các cầu trên đường dẫn đường nhánh phía Bãi Cháy	125.719.576.774	16.993.269.114	142.712.845.888
	Xây lắp	125.719.576.774	0	125.719.576.774
	Chênh lệch tỷ giá hợp đồng		986.677.056	986.677.056
	Phí rút vốn BC1		105.296.772	105.296.772
	Chi phí hoàn trả xe cho JICA (vốn trong nước)		2.999.625.089	2.999.625.089
	Lắp đặt hệ thống quan trắc		12.901.670.197	12.901.670.197
2	Gói thầu BC2: Xây dựng cầu chính và đường dẫn số 5	1.069.558.363.831	58.925.099.565	1.128.483.463.396
	Xây lắp	1.069.558.363.831	1	1.069.558.363.833
	Chênh lệch tỷ giá hợp đồng		58.879.579.467	58.879.579.467
	Phí rút vốn BC2		45.520.097	45.520.097
3	Gói thầu BC3	152.492.564.630	1.284.165.583	153.776.730.213
	Xây lắp	152.492.564.630	-545	152.492.564.085
	Chênh lệch tỷ giá hợp đồng		1.169.888.065	1.169.888.065
	Phí rút vốn BC3		114.278.063	114.278.063

TT	Tên hạng mục	Giá trị đã duyệt quyết toán (Quyết định số 4856/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014)	Giá trị quyết toán điều chỉnh, bổ sung (đợt này)	Tổng cộng giá trị quyết toán
4	Lãi vay, phí mở LC xây lắp		23.439.586.803	23.439.586.803
B	CHI PHÍ QLDA	1.737.481.744	15.207.730.790	16.945.212.534
1	Chi phí QLDA (Ban QLDA)		15.207.730.790	15.207.730.790
2	Chi phí thẩm tra TKKT	222.243.000	0	222.243.000
3	Chi phí thẩm tra TDT	199.064.000	0	199.064.000
4	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu	61.690.000	0	61.690.000
5	Chi phí của Hội đồng nghiệm thu nhà nước	355.135.744	0	355.135.744
6	Chi phí tổ chức lễ khởi công, khánh thành	899.349.000	0	899.349.000
C	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.044.113.000	191.381.922.226	192.426.035.226
1	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1.044.113.000	0	1.044.113.000
	<i>Chi phí khảo sát, lập BCNCKT</i>	<i>908.113.000</i>	0	<i>908.113.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định nghiên cứu khả thi</i>	<i>59.000.000</i>	0	<i>59.000.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định báo cáo khả thi</i>	<i>77.000.000</i>	0	<i>77.000.000</i>
2	Chi phí tư vấn		190.552.860.874	190.552.860.874
3	Chi phí khảo sát thiết kế hạng mục lắp đặt hệ thống quan trắc và kiểm soát giao thông cầu		747.288.362	747.288.362
4	Chi phí lập HSMT, giám sát hạng mục lắp đặt hệ thống quan trắc và kiểm soát giao thông cầu Bãi Cháy		81.772.990	81.772.990
D	CHI PHÍ KHÁC	49.238.335.677	1.116.490.000	50.354.825.677
1	Chi phí bảo hiểm	5.894.984.327	0	5.894.984.327
2	Thuế	37.244.148.212	0	37.244.148.212
3	Lệ phí ngân hàng	1.343.978.292	0	1.343.978.292

TT	Tên hạng mục	Giá trị đã duyệt quyết toán (Quyết định số 4856/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014)	Giá trị quyết toán điều chỉnh, bổ sung (đợt này)	Tổng cộng giá trị quyết toán
4	Chi phí chăm sóc sức khỏe cho người thi công	567.354.000	0	567.354.000
5	Chi phí viết sách	415.565.317	0	415.565.317
6	Chi phí chuyên giao công nghệ	2.729.969.000	0	2.729.969.000
7	Thuế nhập khẩu	0	0	0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	390.680.488	0	390.680.488
9	Kiểm toán Báo cáo QTDAHT		1.116.490.000	1.116.490.000
10	Kiểm toán đấu thầu theo yêu cầu nhà tài trợ	651.656.041	0	651.656.041
E	CHI PHÍ GPMB và RPBM	91.622.491.532	18.373.025.876	109.995.517.408
1	Chi phí GPMB	89.458.348.527	18.373.025.876	107.831.374.403
	<i>Chi phí khảo sát, cắm mốc GPMB</i>	<i>185.060.000</i>	<i>183.168.000</i>	<i>368.228.000</i>
	<i>Ban GPMB Hạ Long</i>	<i>79.141.151.000</i>	<i>18.189.857.876</i>	<i>97.331.008.876</i>
	<i>Ban GPMB Quảng Ninh</i>	<i>10.132.137.527</i>	<i>0</i>	<i>10.132.137.527</i>
2	Chi phí rà phá bom mìn	2.164.143.005	0	2.164.143.005
	<i>Rà phá bom mìn để GPMB</i>	<i>2.025.959.183</i>		<i>2.025.959.183</i>
	<i>Rò tìm và xử lý BMVN trên mặt bằng bến phà Bãi Cháy mới</i>	<i>138.183.822</i>		<i>138.183.822</i>
	TỔNG CỘNG	1.491.412.927.188	326.721.289.957	1.818.134.217.145

PHỤ LỤC 02
BIỂU TÍNH TỐP CÔNG NỢ QUYẾT TOÁN
Đầu tư Xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18

(Kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-BGTVT ngày 06 / 12 / 2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị: Đồng

TT	Tên hạng mục	Giá trị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Công nợ đến ngày 31/12/2015	
				Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.448.412.626.300	1.448.412.626.300	0	0
1	Gói thầu BC1: Xây dựng đường dẫn, các cầu trên đường dẫn đường nhánh phía Bãi Cháy	142.712.845.888	142.712.845.888	0	
	<i>Trong đó: Lắp đặt hệ thống quan trắc</i>	12.901.670.197	12.901.670.197	0	0
2	Gói thầu BC2: Xây dựng cầu chính và đường dẫn số 5	1.128.483.463.396	1.128.483.463.396	0	0
3	Gói thầu BC3	153.776.730.213	153.776.730.213	0	0
4	Lãi vay, phí mở LC xây lắp	23.439.586.803	23.439.586.803	0	0
B	CHI PHÍ QLDA	16.945.212.534	16.945.212.534	0	0
1	Chi phí QLDA (Ban QLDA)	15.207.730.790	15.207.730.790	0	0
2	Chi phí thẩm tra TKKT	222.243.000	222.243.000	0	0
3	Chi phí thẩm tra TDT	199.064.000	199.064.000	0	0
4	Lệ phí thẩm định kết quả thầu tính cho cả 3 gói	61.690.000	61.690.000	0	0
5	Chi phí của Hội đồng nghiệm thu nhà nước	355.135.744	355.135.744	0	0
6	Chi phí tổ chức lễ khởi công, khánh thành	899.349.000	899.349.000	0	0
C	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	192.426.035.226	192.426.035.874	0	648
1	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1.044.113.000	1.044.113.000	0	0
	<i>Chi phí khảo sát, lập BCNCKT</i>	908.113.000	908.113.000	0	0
	<i>Chi phí thẩm định nghiên cứu khả thi</i>	59.000.000	59.000.000	0	0
	<i>Chi phí thẩm định báo cáo khả thi</i>	77.000.000	77.000.000	0	0

TT	Tên hạng mục	Giá trị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Công nợ đến ngày 31/12/2015	
				Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6
2	Chi phí tư vấn	190.552.860.874	190.552.860.874	0	0
3	Chi phí khảo sát thiết kế hạng mục lắp đặt hệ thống quan trắc và kiểm soát giao thông cầu	747.288.362	829.062.000	0	648
4	Chi phí lập HSMT, giám sát hạng mục lắp đặt hệ thống quan trắc và kiểm soát giao thông cầu Bãi Cháy	81.772.990			
D	CHI PHÍ KHÁC	50.354.825.677	50.260.022.885	94.802.792	0
1	Chi phí bảo hiểm	5.894.984.327	5.894.984.327	0	0
2	Thuê (tính cho cả 3 gói)	37.244.148.212	37.244.148.212	0	0
3	Lệ phí ngân hàng	1.343.978.292	1.305.000.000	38.978.292	0
4	Chi phí chăm sóc sức khỏe cho người thi công	567.354.000	567.354.000	0	0
5	Chi phí viết sách	415.565.317	415.565.317	0	0
6	Chi phí chuyên gia công nghệ	2.729.969.000	2.729.969.000	0	0
7	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	390.680.488	390.680.488	0	0
9	Kiểm toán Báo cáo QTDAHT	1.116.490.000	1.060.665.500	55.824.500	0
10	Kiểm toán đấu thầu	651.656.041	651.656.041	0	0
E	CHI PHÍ GPMB và RPBM	109.995.517.408	111.845.565.138	183.168.000	2.033.215.730
1	Chi phí GPMB	107.831.374.403	109.583.385.138	183.168.000	1.935.178.735
<i>a</i>	Ban GPMB Hạ Long	97.699.236.876	99.413.096.000	183.168.000	1.897.027.124
	<i>Chi phí khảo sát, cắm mốc GPMB</i>	<i>368.228.000</i>	<i>185.060.000</i>	<i>183.168.000</i>	
	<i>Chi phí GPMB</i>	<i>97.331.008.876</i>	<i>99.228.036.000</i>		<i>1.897.027.124</i>
<i>b</i>	Ban GPMB Quảng Ninh	10.132.137.527	10.170.289.138	0	38.151.611
2	Chi phí rà phá bom mìn	2.164.143.005	2.262.180.000	0	98.036.995
	Rà phá bom mìn để GPMB	2.025.959.183	2.117.011.000		91.051.817

TT	Tên hạng mục	Giá trị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Công nợ đến ngày 31/12/2015	
				Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6
	Rò tìm và xử lý bBMVN trên mặt bằng bến phà Bãi Cháy mới	138.183.822	145.169.000		6.985.178
	TỔNG CỘNG	1.818.134.217.145	1.819.889.462.731	277.970.792	2.033.216.378

PHỤ LỤC 03
BIỂU TỔNG HỢP TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ
Dự án: Xây dựng cầu Bãi Cháy trên QL18

(Kèm theo Quyết định số

208 / QĐ-BGTVT ngày 06 / 12 / 2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên và ký hiệu tài sản	Cấp, loại	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá			Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận
						Cộng	Chi phí xây lắp	Các chi phí phân bổ			
	Tổng số					1.818.134.217.145	1.424.973.039.497	393.161.177.648			
1	Đường dẫn phía Bãi Cháy (đường vào cầu + đường nhánh rẽ đầu cầu)	Đường đô thị cấp II, có 4 làn xe cơ giới	Km	1,8	92.152.512.871	165.874.523.167	129.811.175.691	36.063.347.476	2006	ODA và NSNN	Tổng cục đường bộ Việt Nam
2	Cầu Bãi Cháy (khô cầu rộng 25,3m đảm bảo cho 4 làn xe cơ giới (4x3,5m) + 2 làn xe thô sơ và người đi bộ (2x2,5m)	Công trình giao thông cấp đặc biệt	m	903	1.596.761.101	1.441.875.273.846	1.128.483.463.396	313.391.810.450	2006		
3	Đường phía Hòn Gai (đường vào đầu cầu + đường nhanh rẽ đầu cầu)	Đường đô thị cấp II, có 4 làn xe cơ giới	Km	3	70.176.035.326	196.492.898.913	153.776.730.213	42.716.168.700	11/27/2008		
4	Hệ thống quan trắc cầu		hệ thống	1	13.891.521.219	13.891.521.219	12.901.670.197	989.851.022	27/07/2013		